

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Nguyễn Văn Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Sơn Thị L](#), sinh ngày 01/01/1984.

Địa chỉ: [Áp T, xã P, thành phố Cần Thơ \(ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ\)](#) (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094184004925.

- Bị đơn: Anh [Thạch L1](#), sinh ngày 01/01/1982.

Địa chỉ: [Áp T, xã P, thành phố Cần Thơ \(ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ\)](#) (vắng mặt).

Chứng minh nhân dân số: 366040926.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2025 nguyên đơn chị [Sơn Thị L](#) trình bày:

Chị [Sơn Thị L](#) và anh [Thạch L1](#) thương nhau và được gia đình hai bên đồng ý, chị [L](#) và anh [L1](#) đăng ký kết hôn ngày 28/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chị L và anh L1 chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây chị L và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, tính tình trái ngược nhau, thường xuyên cãi vã, gia đình không còn yên vui như trước, niềm tin lẫn nhau không còn.

Trong thời gian chung sống, chị L và anh L1 có 04 người con chung gồm: Thạch T, sinh ngày 05/01/2008; Thạch Thi T1, sinh ngày 06/12/2009; Thạch Thi D, sinh ngày 18/8/2013; Thạch L2, sinh ngày 25/8/2019.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Son Thi L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Son Thi L yêu cầu được ly hôn với anh Thạch L1.

- Về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các con thành niên. Chị L yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt lập ngày 12 tháng 9 năm 2025 chị L trình bày:

Theo nội dung đơn khởi kiện, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các con thành niên và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nay chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các con thành niên, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi các con chung đến tròn 18 tuổi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 146/TB-TLVA ngày 21 tháng 5 năm 2025 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Thạch L1, nhưng anh L1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh L1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh L1 trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt lập ngày 12 tháng 9 năm 2025 chị L trình bày: Theo nội dung đơn khởi kiện, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các con thành niên và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi các con

chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nay chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các con thành niên, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi các con chung đến tròn 18 tuổi. Xét thấy việc chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, tính tình trái ngược nhau, thường xuyên cãi vã, gia đình không còn yên vui như trước, niềm tin lẫn nhau không còn, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị L và anh L1 có 04 người con chung tên Thạch T, sinh ngày 05/01/2008; Thạch Thị T1, sinh ngày 06/12/2009; Thạch Thị D, sinh ngày 18/8/2013; Thạch L2, sinh ngày 25/8/2019. Hiện nay, các con chung đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Thạch T, sinh ngày 05/01/2008; Thạch Thị T1, sinh ngày 06/12/2009; Thạch Thị D, sinh ngày 18/8/2013; Thạch L2, sinh ngày 25/8/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh L1 mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Thạch L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Sơn Thị L khởi kiện thì anh Thạch L1; cư trú tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ). Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Thạch L1 và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh

Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị L đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Son Thi L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Son Thi L và bị đơn anh Thach L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt tại phiên tòa. Chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và anh L1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Son Thi L và anh Thach L1.

[1.3] Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt lập ngày 12 tháng 9 năm 2025, chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Theo nội dung đơn khởi kiện, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các con thành niên và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nay chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung cho đến khi các con thành niên, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi các con chung đến tròn 18 tuổi. Xét thấy việc chị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Son Thi L, sinh ngày 01/01/1984 và anh Thach L1, sinh ngày 01/01/1982 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 28 tháng 10 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Son Thi L và anh Thach L1 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Son Thi L, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị L và anh L1 hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, tính tình trái ngược nhau, thường xuyên cãi vã, gia đình không còn yên vui như trước, niềm tin lẫn nhau không còn, tình cảm không hàn gắn được làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh L1 trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[5] Về con chung: Chị L và anh L1 có 04 người con chung tên Thach T, sinh ngày 05/01/2008; Thach Thi T1, sinh ngày 06/12/2009; Thach Thi D, sinh ngày 18/8/2013; Thach L2, sinh ngày 25/8/2019. Hiện nay, các con chung đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đến đến nơi cư trú của

các cháu [Thạch T](#), [Thạch Thị T1](#), [Thạch Thị D](#) nhưng các cháu không có mặt ở nhà nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của các cháu được do đó không có ý kiến của các cháu trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị [L](#) khẳng định hiện nay các con chung đang sống chung với chị [L](#) và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu [Thạch T](#), sinh ngày 05/01/2008; [Thạch Thị T1](#), sinh ngày 06/12/2009; [Thạch Thị D](#), sinh ngày 18/8/2013; Thạch L2, sinh ngày 25/8/2019 cho chị [L](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị [L](#) không yêu cầu anh [L1](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh [Thạch L1](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh [L1](#) không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị [L](#).

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị [L](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị [Sơn Thị L](#) là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị [L](#) phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị [Sơn Thị L](#) và anh [Thạch L1](#) ly hôn.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Thạch T, sinh ngày 05/01/2008; Thạch Thị T1, sinh ngày 06/12/2009; Thạch Thị D, sinh ngày 18/8/2013; Thạch L2, sinh ngày 25/8/2019 cho chị Son Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Thạch L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh L1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị L.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Son Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001389 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ). Như vậy, chị Son Thị L đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GD, KT, TT & THA);
- UBND xã P, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn